

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/10/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC5+TD2	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
2		RP1+AMD+HST	7:25	19+3+0	0+0+0		18+1+1	0+0+0	CHUYỂN 3 PAX TỪ AMD-HST
3		BK14+CTK3+RP2	7:25	2+0+18	0+0+0		2+0+20	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ BK14-CTK3
4		RP3+BK4+BK3	7:25	22+0+0	0+0+0		17+1+3	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ BK4-BK3
5		RC3+T.UNG	7:25	4+15	0+0		0+18	0+0	
6		PVD2+CLO+RP2	9:25	9+5+8	0+0+0		1+5+16	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ PVD2-CLO
7		P7+VSP01+RP1	9:25	2+9+11	0+0+0		0+8+11	0+0+0	
8		RCDM+RC5+BK8	9:25	9+10+2	0+0+0		5+2+14	0+0+0	CHUYỂN 2 PAX TỪ RCDM-RC5
9		RC4+P1+PPD	9:25	5+1+9	0+0+0		7+2+13	0+0+0	CHUYỂN 5 PAX TỪ RC4-P1
10		BK16+RP2+RP3	11:25	4+3+15	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
11		P2+P8+P4	11:25	12+9+0	0+0+0		6+8+8	0+0+0	
12		RC3+GTCL+RP2	11:25	10+2+10	0+0+0		9+2+11	0+0+0	

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2018	TO: RC5 - TD2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - HUY	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO THANH HỢP	RC5	83	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ VĂN ĐỒNG	RC5	84	1	5	70	74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN THUẬN	RC5	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG HÙNG	RC5					56	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐINH VĂN LIÊN	RC5	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN NĂNG	RC5	82	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NAM TRUNG	RC5	80	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	23	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGỌC DUNG	TD2	26	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	18	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC DUC	TD2	16	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN MẠNH CUÔNG	TD2	20	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THANH GIANG	TD2	21	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	ĐO BA NAM	TD2	17	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG KHÁC	TD2	22	1	5	30	70	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ ANH QUAN	TD2	27	1	5	30	82	KHOAN	Vietnamese
17	MAI ĐỨC THÂN	TD2	15	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN HẬU	TD2	19	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
19	HỒ NGỌC BẾN	TD2	28	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD2	24-25	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NAM	TD2	29	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐO VĂN TRƯỞNG	TD2	31	1	12		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	7	6	30	462	70	6		
2	TD2	15	16	98	1.067	60	16		
TOTAL		22	22	128	1.529	130	22		
WEIGHT KG				128	1.529	130			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

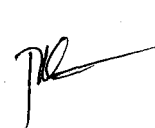
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2018	TO: RP1 - AMD - HST	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - Vận - DTùng	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐẠI	RP1	12	1	5	50	75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG BA ĐIỀU	RP1	07	1	2		58	YTE	Vietnamese
3	ZAKHARIN S	RP1	17-18	2	15		110	KH-THAC	Russian
4	HOÀNG VIỆT THUẬN	RP1	08	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH HẢI	RP1	13	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TUẤN ANH	RP1	14	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ ĐỨC VƯỢNG	RP1	10	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN THAI	RP1					73	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG CÔNG THANH	RP1	20	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH MINH SANG	RP1	16	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1					71	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TRI KHANH	RP1	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VĂN THÔNG	RP1	15	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
15	HA QUỐC HOÀN	RP1	03	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1	19	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	09	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	11	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN THANH	RP1	06	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LANG	AMD	53-54	2	18	20	59	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HÙNG	AMD	55	1	6	60	70	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ XUÂN TUẤN	AMD	52	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	19	18	95	1.379	50	18		CHUYEN 3 PAX TU AMD SANG HST
2	AMD	3	4	32	185	80	1+3		
3	HST	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	22	127	1.564	130	20		
WEIGHT KG				127	1.564	130			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2018	TO: BK14 - CTK3 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hồi - QViệt - Năm	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ QUỐC TUÂN	BK14	01	1	15		81	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN CUÔNG	BK14	02-03	2	17	60	67	XAYLAP	Vietnamese
3	BONDARENKO	RP2					100	D-HANH	Russian
4	BOVT	RP2					95	D-HANH	Russian
5	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	62	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÌNH XUÂN GIANG	RP2	59	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	63	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	TARASENKO ALEXEY	RP2	52	1	10		75	KH-THAC	Russian
9	LE VIỆT DUNG	RP2	56	1	2	60	56	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DOAN BÌNH	RP2	60-61	2	14		66	YTE	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	53	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CHI CÔNG	RP2	57	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG BẢNG	RP2	50	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HUNG CUÔNG	RP2	51	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					73	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐỨC TRƯỞNG	RP2	54	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	55	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN SƠN	RP2	64	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
20	HOANG NGOC LAN	RP2					84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	2	3	32	148	60	2	2	CHUYEN 2PAX TU BK14 SANG CTK3
2	CTK3	0	0	0	0	0	0		
3	RP2	18	15	84	1.317	60	20		
TOTAL		20	18	116	1.465	120	22		
WEIGHT KG				116	1.465	120			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2018	TO: RP3 - BK4 - BK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LHai - ĐỨC - HTNam	ETA: 09:30
NAU-1			

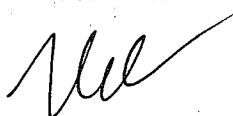
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG	RP3	87	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐỒNG	RP3	84	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUÝ HAI	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TUNG *TT	RP3	94	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	93	1	10		72	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN THẾ HÙNG	RP3	187	1	5		67	KHI	Vietnamese
7	PHẠM PHI BAO	RP3	188	1	4		65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TÂN HOÀNG	RP3	91	1	5		65	KHI	Vietnamese
9	PHẠM HUY HUYNH	RP3	189-90	2	6		62	KHI	Vietnamese
10	TRẦN VĂN MINH	RP3	83	1	6		80	YTE	Vietnamese
11	ĐO QUANG TÔ	RP3	80	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	RP3	85	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	VÔ HỒ HAI	RP3	78	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ TÂN CHÂU	RP3	90	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN GIA THIÊN	RP3	86	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO ĐỨC THANH	RP3	186	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	DUƠNG CHUNG THUY	RP3	88	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN SY ĐIẾP	RP3	79	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	82	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VĂN HỒI	RP3	89	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	92	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	81	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	22	115	1.506	0	17		CHUYEN 04 PAX TU BK4 SANG BK3
2	BK4	0	0	0	0	35	14		
3	BK3	0	0	0	0	35	3		
TOTAL		22	22	115	1.506	0	21		
WEIGHT KG				115	1.506	70			

GRAND TOAL: 1.621 KGS + 70

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

A



DATE: 12/10/2018	TO: RC3 - BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:25
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: KIÊN - MTiến	ETA: 10:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG DIEN	RC3	01	1	3		60	D-HANH	Vietnamese
2	BUI ANH SON	RC3					58	D-HANH	Vietnamese
3	DO HIEP PHU	RC3	02	1	2		52	D-HANH	Vietnamese
4	KRAPIVKA	RC3	03	1	3		88	D-HANH	Russian
5	PHẠM MINH TUÂN	BK THIE	10-11	2	12	54	68	KH-THAC	Vietnamese
6	AVAKIAN C. P.	BK THIE	16	1	5		95	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN QUANG TUYEN	BK THIE	01	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRỌNG SƠN	BK THIE	07	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ CHIẾN THẮNG	BK THIE	12-13	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
10	KHÔNG THAI BÌNH	BK THIE	02	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH TÙNG	BK THIE	05	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VĂN ĐÀN	BK THIE	06	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ TIẾN VINH	BK THIE	15	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VĂN CHÍNH	BK THIE	03	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỒNG SƠN	BK THIE	09	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
16	K LY	BK THIE	14	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ QUANG THÔNG	BK THIE					70	KH-THAC	Vietnamese
18	GIANG TRUNG HIẾU	BK THIE	04	1	9		98	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ XUÂN THANH	BK THIE	08	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	4	3	8	258	0	0		
2	BK THIEN UNG	15	16	88	1.079	54	18		
TOTAL		19	19	96	1.337	54	18		
WEIGHT KG				96	1.337	54			

GRAND TOAL: 1.487 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 2250 Kg (dep)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2018	TO: PVD2 - CLO - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - HUY	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN CÔNG CHIẾN	PVD2	08	1	10		70	DVL	Vietnamese
2	LUÔNG MẠNH HẢI	PVD2	06	1	12		67	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC NINH	PVD2	07	1	10		70	DVL	Vietnamese
4	BUI VĂN THÍCH	PVD2	05	1	5		80	DVL	Vietnamese
5	KIỀU TUẤN ANH	PVD2	02	1	8		90	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THU	PVD2	01	1	12		70	DVL	Vietnamese
7	LƯU ĐÌNH TRỌNG	PVD2	62	1	5		75	DVL	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THUẬT	PVD2	03	1	10		71	DVL	Vietnamese
9	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	PVD2	04	1	12		71	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	CLO	64-65	2	8		58	KH-THAC	Vietnamese
11	TRỊNH VĂN TIẾN	CLO	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ QUỐC HUY	CLO	700	1	5	30	75	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ BA NẾP	CLO	18	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VIỆT HA	CLO	15-16	2	15		75	PSV	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC OANH	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	69	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ HỮU QUAN	RP2	72	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ HOÀNG CẨM	RP2	73	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	70-71	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẦN TÂN TÀI	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ LAM	RP2	68	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	9	9	84	664	0	1 + 1		CHUYỂN 1 PAX TỪ PVD2 SANG CLO
2	CLO	5	7	45	341	30	5		
3	RP2	8	6	32	542	50	16		
TOTAL		22	22	161	1.547	80	22		
WEIGHT KG				161	1.547	80			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2018	TO: P7 - VSP01 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: VThắng - Vận - DTùng	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SVALOV E.V	P7	16-17	2	17	35	79	KHOAN	Russian
2	TẠ BA HOAN	P7	18	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TO THANH	VSP01	39	1	3		65	SHINTRAC	Vietnamese
4	MẠC ĐỨC TRỌNG	VSP01	38	1	5		58	SHINTRAC	Vietnamese
5	THẠCH NGỌC HOAI	VSP01	69-70	2	10		59	SHINTRAC	Vietnamese
6	LÊ MÃ LƯƠNG	VSP01	68	1	5		48	SHINTRAC	Vietnamese
7	NGUYEN CO THACH	VSP01	71	1	5		78	SHINTRAC	Vietnamese
8	LƯƠNG VĂN DINH	VSP01	72	1	10		67	SHINTRAC	Vietnamese
9	HỒ MINH TÂN	VSP01	67	1	8		90	SHINTRAC	Vietnamese
10	NGUYEN CANH CHUNG	VSP01	37	1	5		60	SHINTRAC	Vietnamese
11	TRAN DONG XUAN	VSP01	73-74	2	13		55	SHINTRAC	Vietnamese
12	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	27	1	5	55	81	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TRỌNG HIỆU	RP1	31	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM BA TÀI	RP1	33	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
15	TANG THANH DAN	RP1	30	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TOAN	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	RP1	32	1	8	30	76	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	RP1	26	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIỆT BĂNG	RP1	28	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VĂN HIỀN	RP1	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	HA QUỐC VINH	RP1	75	1	4		67	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN CHI HUNG	RP1	25	1	5		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	2	3	27	140	35	0		
2	VSP01	9	11	64	580	0	8		
3	RP1	11	10	53	768	85	11		
TOTAL		22	24	144	1.488	120	19		
WEIGHT KG				144	1.488	120			

GRAND TOTAL: 1.752 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2018	TO: RCDM - RC5 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Hôi - QViệt - Năm	ETA: 11:30
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ QUANG TUYỀN	RCDM	72	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
2	CU NGOC BAN	RCDM	70	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LA	RCDM					73	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN THANH	RCDM	71	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG PHUC	RCDM	76	1	10	15	90	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN THUA THAI	RCDM	73	1	8	28	62	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN MINH	RCDM	68	1	11	35	78	T-TIN	Vietnamese
8	TRẦN BẢO CHUÔNG	RCDM	67	1	10		70	T-TIN	Vietnamese
9	VŨ VĂN THANH	RCDM	69	1	8		67	PSV	Vietnamese
10	LY BANG	RC5	97	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HUY	RC5	01	1	13		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TAM	RC5	02	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI QUỐC CUÔNG	RC5	91	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TUAN HAI	RC5	03	1	7	39	74	KH-THAC	Vietnamese
15	YUKHIM CHUK A	RC5	92	1	10		82	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN XUAN DONG	RC5	06-07	2	16		67	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐỨC SANG	RC5	05	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUỐC HUNG	RC5	04	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN HONG	RC5	90	1	4		52	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN LINH	RC5	93	1	7		70	PSV	Vietnamese
21	VŨ TÁ HOAN	BK8	37-38	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN NGOC QUANG	BK8	39-40	2	17	25	70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	9	8	63	638	78	5	2	CHUYEN 2 PAX RCDM SANG RC5
2	RC5	11	12	106	765	39	2		
3	BK8	2	4	34	145	25	14		
TOTAL		22	24	203	1.548	142	21		
WEIGHT KG				203	1.548	142			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2018	TO: RC4 - P1 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LHaì - ĐỨC - HTNam	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	85	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG TÍN	RC4	86-87	2	20		95	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH LỘC	RC4	83	1	9	12	73	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH MINH TRI	RC4	84	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC VIỆT	RC4	81-82	2	17		57	PSV	Vietnamese
6	VŨ HOÀNG TÂN	P1	74-75	2	15	103	93	DVL	Vietnamese
7	CẦN ANH TUÂN	PPD	08-09	2	14		64	KHI	Vietnamese
8	VŨ THANH ĐẠT	PPD	16	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG KIM THANH	PPD	21-22	2	20		63	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HỮU	PPD	15	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN DANH TRUNG	PPD	17-19	3	18		73	CODIEN	Vietnamese
12	NGO KIM LAM	PPD	20	1	15		77	CODIEN	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC THẾ	PPD	10	1	16		65	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG XUÂN QUÝ	PPD	11-12	2	20		54	XAYLAP	Vietnamese
15	LY HUU THANG	PPD	13-14	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	5	7	60	362	12	7+5		CHUYEN 5 PAX RC4 SANG P1
2	P1	1	2	15	93	103	2		
3	PPD	9	15	144	609	0	13		
TOTAL		15	24	219	1.064	115	22		
WEIGHT KG				219	1.064	115			

GRAND TOAL: 1.398 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/10/2018	TO: BK16 - RP2 - RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - HUY	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRỌNG BÀI	BK16	86	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIỆU	BK16	85	1	16		75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG PHONG	BK16	36	1	12	95	60	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH BÌNH	BK16	84	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	16	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HIỆU	RP2	17	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN SAU	RP2	18-19	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VÕ THANH LÂM	RP3	60	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	58	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	53-54	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH QUANG THANH	RP3	59	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TÂN TRỌNG	RP3	52	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HẢI HÀ *TT	RP3	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM QUỐC CHÊ	RP3	51	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH TÂN NGÓN	RP3	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HIỀN	RP3	56	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN ANH ĐỒNG	RP3	61-62	2	10	30	75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TUÂN	RP3	63	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẶNG THANG LONG	RP3	66-67	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH NGỌC	RP3	64-65	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ TU KHA	RP3	70-71	2	15		82	XAYLAP	Vietnamese
22	MAI DUY TÂN	RP3	68-69	2	10		63	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	4	4	43	275	95	0		
2	RP2	3	4	17	194	0	5		
3	RP3	15	21	130	1.046	30	17		
TOTAL		22	29	190	1.515	125	22		
WEIGHT KG				190	1.515	125			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2018	TO: P2 - P8 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - DTùng	ETA: 13:35
TIM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AFANASIEV N.K.	P2	32	1	10	32	96	KH-THAC	Russian
2	HOANG VINH PHU	P2	34	1	5		75	ANTOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TRUNG THANH	P2	28	1	5		71	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH TUNG	P2	31	1	12		66	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN HUY HOANG	P2	29-30	2	16		76	ANTOAN	Vietnamese
6	ISKANDEROV	P2	33	1	11		75	ANTOAN	Russian
7	ĐINH VŨ TIEN	P2	23	1	13		71	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NAM HOANG	P2	35	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
9	LE HUY KHANH	P2	26-27	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN DUNG	P2	24-25	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM MINH TRUNG	P2	20-21	2	15		84	XAYLAP	Vietnamese
12	LE NHAT TAM	P2	22	1	7		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN QUYEN	P8	16	1	7	75	70	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI VAN THIET	P8	14	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN DANH LUAT	P8	15	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRAN	P8	18-19	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN THANH TUYEN	P8	23-24	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
18	VU THANH LONG	P8	20	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAM TUAN KHANH	P8	21	1	13		69	XAYLAP	Vietnamese
20	HA MANH DUNG	P8	22	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN SI HAI	P8	17	1	8		54	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	12	16	140	857	32	6		
2	P8	9	11	114	600	75	8		
3	P4	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		21	27	254	1.457	107	22		
WEIGHT KG				254	1.457	107			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/10/2018	TO: RC3 - GTC1 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Hôi - DUONG - Năm	ETA: 13:40
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ LÊ TRUNG	RC3	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI SY HIEU	RC3	07	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG MINH KHANH	RC3	12	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THE MANH	RC3					80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO KHANH NAM	RC3	06	1	7	121	79	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGOC HOA	RC3	09-10	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NHAM NGOC THANH	RC3	13	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NAM SON	RC3	08	1	9		80	GETRACO	Vietnamese
9	NGUYEN THANH BINH	RC3	05	1	9		64	PVGAS	Vietnamese
10	PHAM HUY THONG	RC3	04	1	5		80	PVGAS	Vietnamese
11	LE HUY	GTC1	100	1	10	11	64	XAYLAP	Vietnamese
12	LE VAN DUNG	GTC1	30	1	9		75	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI NGOC THAN	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG CONG DANH	RP2	78	1	8		84	CODIEN	Vietnamese
15	BUI ĐỨC HẬU	RP2	79	1	9		58	CODIEN	Vietnamese
16	BUI AN	RP2	77	1	10		77	PVE	Vietnamese
17	VO THANH NHAT	RP2	80	1	6	31	78	GETRACO	Vietnamese
18	ĐAO XUAN THO	RP2	84	1	6		70	GETRACO	Vietnamese
19	TRAN DUY HUNG	RP2	82	1	4		58	GETRACO	Vietnamese
20	HO VAN THAO	RP2	83	1	4		71	GETRACO	Vietnamese
21	DUONG VAN PHI	RP2	85	1	6		54	GETRACO	Vietnamese
22	BUI VAN QUAN	RP2	81	1	3		66	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	10	10	69	710	121	9		
2	GTC1	2	2	19	139	11	2		
3	RP2	10	9	56	688	31	11		
TOTAL		22	21	144	1.537	163	22		
WEIGHT KG				144	1.537	163			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/10/2018

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TTC2+P4	7:25	16+4+0	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
2		TD3+BK10+TD1	7:25	17+0+1	0+0+0		18+0+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ TD3- BK10

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/10/2018	TO: TD5 - TTC2 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - N.Nam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKSANDROV A.A	TD5	22	1	5		87	KHOAN	Russian
2	VANEEV D.V	TD5	19	1	10		98	KHOAN	Russian
3	NIKOLAYEV G.M	TD5	21	1	12		70	KHOAN	Russian
4	SEREBROV	TD5	24	1	12		80	KHOAN	Russian
5	NGUYEN DUY TAM	TD5	38	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TAN VINH	TD5	42-43	2	18		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TAN PHUOC	TD5	89,600	2	12	45	65	KHOAN	Vietnamese
8	LE ANH NGUYEN	TD5	25	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN THANH	TD5	23	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THINH	TD5					75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEN	TD5	20	1	5		60	KHOAN	Russian
12	LAM VAN HANH	TD5	18	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM NAM HAI	TD5	52	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN THUONG VU	TD5	53	1	10		83	KHOAN	Vietnamese
15	LE DUY TAN	TD5	36	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHE	TD5	618	1	5		67	PSV	Vietnamese
17	GLYBOVSKI ANATOLI	TTC2	90	1	9		85	KH-THAC	Russian
18	NGUYEN THE HOI	TTC2	71	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN MANH QUE	TTC2	89	1	8	30	83	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐANG DUC THUAN	TTC2	86	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	16	17	133	1.154	45	13		
2	TTC2	4	4	32	303	30	0		
3	P4	0	0	0	0	15	9		
TOTAL		20	21	165	1.457	90	22		
WEIGHT KG				165	1.457	90			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/10/2018	TO: TD3 - BK10 - TD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN THO	TD3	84	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
2	AFANASHEV I.IU	TD3	85	1	7		90	KHOAN	Russian
3	LÊ ANH XUÂN	TD3					71	KHOAN	Vietnamese
4	PHẦN HAI NAM	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ TIẾN DŨNG	TD3	83	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
6	BUI HUU VŨNG	TD3	92	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
7	ĐOÀN QUANG BÁC	TD3	86	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	90	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO THANH HAI	TD3	94	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
10	CHU VĂN THẮNG	TD3	87	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU VĂN SƠN	TD3	89	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN LAM GIANG	TD3	88	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	96-98	3	17	48	70	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM THẾ QUANG	TD3	93	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ZHUCK YURY	TD3	91	1	14		120	KH-THAC	Russian
16	NGUYỄN AN NINH	TD3	95	1	14		79	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI XUÂN TRƯỞNG	TD3	99	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
18	SAFONOV BORIS	TD1	40	1	9		83	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	17	17	126	1.274	48	19	1	CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	50	0		
3	TD1	1	1	9	83	0	0		
TOTAL		18	18	135	1.357	98	19		
WEIGHT KG				135	1.357	98			

GRAND TOAL: 1.590 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN